

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 46/2020/TLST-VHNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu thứ nhất: Ông **Lâm Quang M**; Địa chỉ: Số 68, đường N, khóm B, Phường B1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Người yêu cầu thứ hai: Bà **Lý Thị Phương T**; Địa chỉ: Số 68, đường N, khóm B, Phường B1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Quang M, bà Lý Thị Phương T chung sống với nhau vào năm 1993 đến năm 2002 ông M, bà P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Hôn nhân của ông M, bà T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng ông M, bà T chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2014 do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông M, bà T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Khi sống ly thân ông M, bà T không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nay ông Lâm Quang M, bà Lý Thị Phương T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên ông M, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa ông Lâm Quang M, bà Lý Thị Phương T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông, bà đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến

nay. Hiện nay ông Lâm Quang M, bà Lý Thị Phương T không còn chung sống như vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Lâm Quang M, bà Lý Thị Phương T.

[2]. Về con chung: Ông Lâm Quang M, bà Lý Thị Phương T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Ông Lâm Quang M, bà Lý Thị Phương T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông Lâm Quang M, bà Lý Thị Phương T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Lâm Quang M, bà Lý Thị Phương T mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Phương T và ông Lâm Quang M thuận tình ly hôn;

1.2 Về con chung: Bà Lý Thị Phương T và ông Lâm Quang M tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

1.3 Về tài sản chung: Bà Lý Thị Phương T và ông Lâm Quang M tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Lý Thị Phương T và ông Lâm Quang M tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị Phương T và ông Lâm Quang M mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng lệ phí do bà Lý Thị Phương T và ông Lâm Quang M đã nộp theo biên lai thu số **0001839**

và 0001840 cùng ngày 29/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà Lý Thị Phương T và ông Lâm Quang M đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPS;
- Chi cục THADS TPS;
- UBND phường B, TPS, tỉnh Sóc Trăng.
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Định